

Số: 1237 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 09 tháng 11 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Đồi Cộng, thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang”**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 693/TTr-TNMT ngày 06/11 /2023.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án “Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Đồi Cộng, thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang” (sau đây gọi là dự án) của Công ty TNHH Trung Anh Vina (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện khu vực Đồi Cộng, thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

**Điều 2.** Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Sở Tài nguyên và Môi trường, Hội đồng thẩm định<sup>1</sup>: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ

<sup>1</sup> Thành lập theo Quyết định số 903/QĐ-TNMT ngày 13/9/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường

đề nghị thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường dự án; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh phê duyệt các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường của dự án tại Điều 1 Quyết định này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

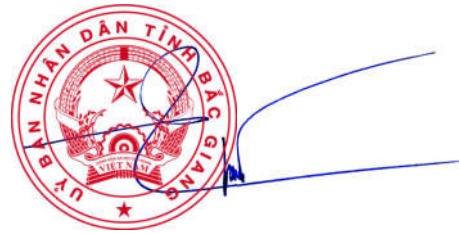
**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Sở Tài chính; UBND huyện Lạng Giang; UBND xã Hương Sơn; Công ty TNHH Trung Anh Vina và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Công ty TNHH Trung Anh Vina (*trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công*);
- Văn phòng UBND tỉnh:
  - + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
  - + Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
  - + Lưu: VT, KTN Việt Anh.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Lê Ô Pích**

**CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**  
**CỦA DỰ ÁN “ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH KHAI THÁC MỎ**  
**ĐẤT SAN LẤP TẠI KHU VỰC ĐỒI CỘNG, THÔN ĐỒN CẦU BẰNG, XÃ**  
**HƯƠNG SƠN, HUYỆN LẠNG GIANG, TỈNH BẮC GIANG”**

*(Kèm theo Quyết định số 1237/QĐ-UBND ngày 09 /11/2023  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)*

**1. Thông tin về dự án**

**1.1. Thông tin chung:**

- Tên dự án: Đầu tư xây dựng công trình khai thác mỏ đất san lấp tại khu vực Đồi Cộng, thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Địa điểm thực hiện: Tại khu vực Đồi Cộng, thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

- Chủ dự án: Công ty TNHH Trung Anh Vina.

**1.2. Phạm vi, quy mô, công suất**

\* Phạm vi: Khu vực dự án thuộc địa phận khu vực Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

\* Quy mô, công suất của dự án:

- Quy mô của dự án: Trên diện tích khai thác 9,0 ha. Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác là 1.229.764 m<sup>3</sup> trong đó đất san lấp: 985.584 m<sup>3</sup>; đất sét gạch 244.180 m<sup>3</sup>.

- Mức sâu kết thúc khai thác: Đến cốt +20m

- Tuổi thọ mỏ: 4,5 năm (bao gồm cả thời gian xây dựng cơ bản mỏ 0,5 năm, không tính thời gian cải tạo phục hồi môi trường 0,5 năm).

\* Phạm vi cung cấp: Cung cấp nhu cầu đất san lấp cho các dự án: Tuyến đường huyện đoạn QL37 đi đường vành đai V vùng Thủ đô; ĐT 293B: Tuyến ĐT293- QL31- Vôi- Mỹ Hà; tuyến ĐT295, ĐT292-Yên Thế; tuyến đường trục từ Cụm công nghiệp Hương Sơn đi QL1A.

**1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư**

- Các hạng mục công trình của dự án đầu tư gồm: Nhà văn phòng (nhà container), tuyến đường vận chuyển ngoài mỏ, tuyến hào mở vỉa khai thác; bãi rửa xe, bãi tập kết; mốc lộ giới, camera giám sát, trạm cân, kho chất thải rắn nguy hại, thùng chứa CTNH, nhà vệ sinh, thùng chứa rác thải sinh hoạt, xe bồn, hệ thống rãnh thoát nước khu vực khai thác,...

- Hoạt động của dự án đầu tư: Đền bù, giải phóng mặt bằng, phát quang bề mặt; xây dựng tuyến hào mở vỉa, san gạt tuyến đường vận chuyển; lắp dựng các công trình phụ trợ, công trình bảo vệ môi trường; tạo diện khai thác đầu tiên; xây dựng hồ lắng, rãnh thoát nước; hoạt động khai thác, vận chuyển đất,...

**1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường**

Dự án không có các yếu tố nhạy cảm về môi trường theo khoản 4 điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

## **2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường**

### **2.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

- Việc chiếm dụng đất: Diện tích khu vực khai thác 9,0 ha, toàn bộ diện tích đất này chủ yếu là đất rừng sản xuất, đã được giao cho 09 hộ dân thôn Đồn Cầu Bằng, xã Hương Sơn, tỉnh Bắc Giang.

- Hoạt động giải phóng mặt bằng: Tác động do hoạt động chuẩn bị mặt bằng (như: phát quang thảm thực vật, vận chuyển cây cối phát quang).

- Hoạt động thi công xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, máy móc:

+ Bụi và khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng, cây cối phát quang; từ hoạt động của máy móc thi công xúc bốc, làm đường giao thông và san gạt đất tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hố lửng, rãnh thoát nước.

+ Bụi phát sinh từ hoạt động xúc bốc, đào đắp đất.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công; nước thải từ hoạt động thi công xây dựng và nước mưa chảy tràn trên bề mặt dự án.

+ Chất thải rắn sinh hoạt từ hoạt động sinh hoạt của công nhân; chất thải rắn từ hoạt động phát quang thảm thực vật, từ hoạt động san gạt, đào đắp công trình; chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng.

+ Sự cố sụt lún, sạt lở, ngập úng cục bộ, tai nạn giao thông, tai nạn lao động,...

### **2.2. Giai đoạn vận hành**

Hoạt động khai thác, vận chuyển đất và hoạt động sinh hoạt của công nhân tác động tới môi trường:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển đất san lấp.

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động của các máy móc, thiết bị khai thác; từ quá trình đào xúc, bốc đất.

+ Bụi phát sinh do hoạt động của các phương tiện vận chuyển trên đường; từ quá trình xúc bốc trên khu vực khai thác.

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân; nước mưa chảy tràn trên khai trường; nước thải từ quá trình rửa xe.

+ Chất thải rắn sinh hoạt của công nhân; đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyển đất; chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, sửa chữa những hỏng hóc nhỏ trên khai trường.

+ Sự cố sạt lở tầng khai thác, sự cố sụt lún do mưa bão kéo dài, sự cố sụt

lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố bồi lấp, sạt lở, tai nạn trong quá trình sử dụng hồ lắng, rãnh thoát nước; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường.

### **3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư**

#### **3.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

##### **3.1.1. Nước thải, khí thải**

- Nước thải:

+ Nước thải sinh hoạt của công nhân thi công xây dựng phát sinh khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliforms, ...

+ Nước thải phát sinh từ quá trình bảo dưỡng, vệ sinh máy móc, thiết bị khoảng 3 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là chất rắn lơ lửng, BOD<sub>5</sub>, COD, tổng dầu mỡ khoáng,...

+ Nước mưa chảy tràn qua khu vực thi công cuốn theo đất đá, rác, dầu mỡ, ... xuống hệ thống thoát nước của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng (TSS), ...

- Bụi, khí thải:

+ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu xây dựng và cây cối phát quang, từ quá trình phát quang thảm thực vật, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi, ...

+ Bụi, khí thải từ quá trình thi công xúc bốc, làm đường giao thông, san gạt tạo mặt bằng khai thác đầu tiên, xây dựng các công trình, hồ lắng, rãnh thoát nước, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi, ...

##### **3.1.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải rắn nguy hại**

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân xây dựng khoảng 5 kg/ngày.

- Chất thải rắn thông thường phát sinh từ hoạt động phát quang thảm thực vật khoảng 369 tấn, với thành phần chủ yếu là thân cây, cành, rễ, lá cây, ...

- Chất thải rắn xây dựng (như: cặn vữa, đầu mẫu sắt, thép, ...) phát sinh khoảng 2,274 kg trong quá trình thi công xây dựng.

- Chất thải nguy hại từ hoạt động sửa chữa, bảo dưỡng máy móc, thiết bị khi bị hỏng đột xuất (như: dầu mỡ, giẻ lau dính dầu, ...) phát sinh khoảng 1,5 - 2 kg.

##### **3.1.3. Tiếng ồn, độ rung**

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ máy móc thiết bị, tham gia thi công; từ các phương tiện vận chuyển.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.1.4. Các tác động khác

- Tác động đến hệ sinh thái, đa dạng sinh học khu vực, tác động bởi tiếng ồn, độ rung, tác động tới KT-XH khu vực.

- Tác động do rủi ro, sự cố: Sự cố sụt lún, sạt lở, sự cố do thiên tai, tai nạn giao thông, tai nạn lao động.

## 3.2. Giai đoạn vận hành

### 3.2.1. Nước thải, khí thải

\* Nước thải:

- Nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là BOD<sub>5</sub>, TSS, Amoni, tổng Coliforms...

- Nước thải rửa xe phát sinh khoảng 11,2 m<sup>3</sup>/ngày, với thông số ô nhiễm đặc trưng là TSS.

- Nước mưa chảy tràn trên khai trường cuốn theo đất, đá xuống các thủy vực hoặc các vùng đất trũng gây bồi lấp các rãnh thoát nước, cản trở dòng chảy của khu vực, với thông số ô nhiễm đặc trưng là COD, tổng chất rắn lơ lửng, ...

\* Bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải từ hoạt động của phương tiện vận chuyển đất san lấp, từ hoạt động của máy móc, thiết bị khai thác trên công trường, với thông số ô nhiễm đặc trưng là CO, SO<sub>2</sub>, NO<sub>x</sub>, bụi,...

- Bụi từ mặt đường cuốn theo xe vận chuyển đất san lấp; từ quá trình xúc bóc trên khu vực khai thác, với thông số ô nhiễm đặc trưng là bụi lơ lửng.

### 3.2.2. Chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại:

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình sinh hoạt của công nhân khoảng 5 kg/ngày.

- Đất, đá rơi vãi trong quá trình xúc bóc, vận chuyển khoảng 0,9 m<sup>3</sup>/ngày.

- Chất thải nguy hại (như: bóng đèn huỳnh quang hỏng, găng tay, giẻ lau dính dầu mỡ, dầu mỡ bôi trơn, thùng đựng dầu...) phát sinh khoảng 280 kg/năm.

### 3.2.3. Tiếng ồn, độ rung

- Tiếng ồn, độ rung phát sinh từ các phương tiện giao thông vận chuyển, từ máy móc, thiết bị khai thác (như: máy xúc, máy ủi, ...).

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

### 3.2.4. Các tác động khác

- Tác động tới kinh tế - xã hội; tác động đến cảnh quan, hệ sinh thái; tác động đến giao thông khu vực; tác động đến tuyến kênh V1 do Công ty TNHH MTV KTCTTL Bắc Sông Thương quản lý.

- Tác động do sự cố sạt lở; sự cố do thiên tai; sự cố tai nạn lao động, tai nạn giao thông; sự cố do sụt lún, xuống cấp tuyến đường vào mỏ, đường vận chuyển; sự cố hư hỏng công trình bảo vệ môi trường.

#### **4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án đầu tư**

##### **4.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

4.1.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải

4.1.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án thuê 01 nhà vệ sinh di động có bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5 m<sup>3</sup>. Nhà vệ sinh di động được đặt gần khu vực nhà văn phòng của dự án. Nước thải được xử lý sơ bộ qua bể tự hoại trước khi thải ra ngoài rãnh thoát nước khu vực. Bùn thải từ nhà vệ sinh chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định với tần suất thu gom 6 tháng/lần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

- Nước thải thi công: Bố trí 01 thùng phi có dung tích 500 lít để chứa đựng nước rửa dụng cụ và tận dụng lượng nước này cho việc tưới đập bụi trong khu vực thi công, không xả thải ra môi trường.

- Nước mưa chảy tràn:

+ Xây dựng rãnh thoát nước, hồ lắng trong ranh giới mặt bằng sân công nghiệp. Rãnh thoát nước bằng đất có chiều dài 86 m, chiều rộng mặt rãnh: 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh: 0,4m, chiều sâu rãnh: 0,4 m. Bố trí 01 hồ lắng thu gom, lắng cặn nước mưa chảy tràn trước khi tiêu thoát ra môi trường, hồ lắng có diện tích 380 m<sup>2</sup>, chiều sâu: 2,0 m.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông, không để phế thải xây dựng xâm nhập vào các hệ thống công rãnh thoát nước gây tắc nghẽn, ứ đọng.

4.1.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Bố trí các phương tiện giao thông ra vào khu vực Dự án một cách hợp lý, không để ứ tắc giao thông, lưu lượng quá đông.

- Có nội quy cho xe chở vật liệu xây dựng khi đi vào khu vực để hạn chế tối đa lượng bụi phát tán vào môi trường.

- Thực hiện tưới nước trên khu vực thi công và trên tuyến đường vận chuyển nguyên vật liệu thi công để giảm thiểu bụi với tần suất 2-4 lần/ngày vào những ngày khô hanh, nắng nóng (không thực hiện tưới nước vào ngày mưa). Tiêu chuẩn tưới nước 0,5 lít/m<sup>2</sup>.

- Lên kế hoạch tu sửa, cải tạo các tuyến đường vận chuyển, đóng góp kinh phí với chính quyền địa phương để sửa chữa nếu tuyến đường vận chuyển xảy ra hư hỏng xuống cấp.

- Thường xuyên bảo dưỡng các máy móc thiết bị, luôn để các máy móc thiết bị hoạt động trong trạng thái tốt, hạn chế phát sinh khí thải ảnh hưởng đến môi trường.

4.1.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.1.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường

- Chất thải sinh hoạt:

+ Thu gom, phân loại chất thải tại nguồn. Bố trí 01 thùng chứa rác thải sinh hoạt có dung tích 120 lít tại khu vực dự án. Hợp đồng với đơn vị thu gom rác thải tại địa phương để xử lý theo quy định với tần suất 03 ngày/lần.

+ Tuyển dụng công nhân tại địa phương có điều kiện ăn nghỉ tại nhà nhằm giảm bớt lượng rác thải sinh hoạt phát sinh.

- Chất thải rắn thi công, xây dựng:

+ Chất thải phát sinh từ quá trình phát quang thực vật: Toàn bộ cây lâm nghiệp, cây ăn quả cho người dân tận thu làm củi phục vụ đun nấu. Phần thực bì còn lại được thu gom mang đi xử lý tạo mặt bằng cho quá trình khai thác.

+ Chất thải rắn xây dựng được phân loại và xử lý như sau:

++ Các loại chất thải tái chế được (như: tôn, sắt, thép, bao bì, ...) được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu.

++ Các loại chất thải xây dựng (như: vữa, cát, sỏi dư thừa...) được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng đường giao thông vào mỏ trong phạm vi khu vực dự án.

4.1.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại.

+ Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại. Mỗi thùng chứa có dán nhãn tên, mã chất thải nguy hại.

+ Bố trí kho chứa chất thải nguy hại có diện tích 6m<sup>2</sup>, nền xi măng, mái lợp tôn, có cửa, có biển cảnh báo để sử dụng trong quá trình thi công xây dựng cũng như quá trình mỏ hoạt động khai thác.

+ Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định cùng chất thải nguy hại phát sinh trong giai đoạn Dự án đi vào hoạt động khai thác.

4.1.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Trang bị các dụng cụ bảo hộ lao động cho công nhân tiếp xúc trực tiếp với nguồn phát sinh tiếng ồn.

- Bố trí thời gian hoạt động của các thiết bị, tránh hiện tượng cộng hưởng lớn từ nhiều nguồn phát sinh tiếng ồn và rung.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị, máy móc và thực hiện chế độ bổ sung dầu mỡ theo định kỳ.

- Không thi công vào ban đêm và giờ nghỉ ngơi của người dân để tránh ảnh



hưởng đến sinh hoạt của công nhân và cuộc sống sinh hoạt thường ngày của nhân dân cạnh khu vực thi công. Thời gian thi công hoạt động từ 06h-11h30 và 13h-18h.

#### 4.1.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

- Thi công xây dựng công trình chuẩn bị khai thác đúng theo thiết kế. Trong quá trình thi công thường xuyên đánh giá nguy cơ sụt lún, sạt lở để có phương án xử lý kịp thời.

- Trường hợp xảy ra hiện tượng sạt lở đất đá phải huy động máy móc, thiết bị tiến hành gia cố, vữa mái bờ để ổn định địa hình.

- Thường xuyên kiểm tra, nạo vét, khơi thông rãnh thoát nước không để xảy ra ứ đọng, tắc nghẽn rãnh thoát nước khu vực dự án và khu vực xung quanh.

- Trong thời gian mưa bão kéo dài phải tạm dừng hoạt động khai thác, di chuyển công nhân ra khỏi khu vực dự án.

- Trường hợp để xảy ra hiện tượng sạt lở, sụt lún mà xác định nguyên nhân từ hoạt động của dự án, Chủ dự án phải hoàn toàn chịu trách nhiệm và bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

- Công nhân được cung cấp đầy đủ các thiết bị bảo hộ lao động (như: mũ bảo hộ, găng tay, khẩu trang,...) và yêu cầu bắt buộc sử dụng trang thiết bị bảo hộ trong khu vực công trường.

- Bố trí biển cảnh báo khu vực công trường tại điểm đầu nối từ tuyến đường đất vào mỏ.

## 4.2. Giai đoạn vận hành

### 4.2.1. Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải:

#### 4.2.1.1. Đối với thu gom và xử lý nước thải

- Đối với nước thải sinh hoạt:

Chủ dự án tiếp tục sử dụng nhà vệ sinh di động có bể tự hoại 3 ngăn thể tích 5 m<sup>3</sup> để xử lý sơ bộ nước thải trước khi thải ra ngoài rãnh thoát nước khu vực. Bùn thải từ bể tự hoại chủ dự án sẽ thuê đơn vị có đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng quy định với tần suất thu gom 6 tháng/lần hoặc khi bể chứa chất thải đầy.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

Khai thác đến đâu, chủ dự án sẽ tiến hành tạo rãnh thoát nước mưa đến đó. Tại chân tầng, chủ dự án tạo các rãnh hứng nước dẫn dòng tập trung phía chân đồi, bố trí hồ lắng để lắng cặn trước khi tiêu thoát vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

+ Năm thứ 1 đến giữa năm thứ 2: Rãnh thoát nước có chiều dài 86 m, chiều rộng mặt rãnh: 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh: 0,4m, chiều sâu rãnh: 0,4 m. Hồ lắng tại mặt bằng sân công nghiệp có diện tích 380 m<sup>2</sup>, chiều sâu: 2,0 m (được xây dựng từ giai đoạn xây dựng cơ bản).

+ Từ giữa năm thứ 2 đến kết thúc năm thứ 3: Rãnh thoát nước có chiều

dài 1.238m, chiều rộng mặt rãnh: 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh: 0,4m, chiều sâu rãnh: 0,4 m. Hồ lắng tại mặt bằng sân công nghiệp có diện tích 380 m<sup>2</sup>, chiều sâu: 2,0 m (được xây dựng từ giai đoạn xây dựng cơ bản).

+ Từ cuối năm thứ 3 đến kết thúc khai thác:

++ Tuyến thoát nước 01: Rãnh thoát nước có chiều dài 1.198m, chiều rộng mặt rãnh: 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh: 0,4m, chiều sâu rãnh: 0,4 m. Hồ lắng tại mặt bằng sân công nghiệp có diện tích 380 m<sup>2</sup>, chiều sâu: 2,0 m (được xây dựng từ giai đoạn xây dựng cơ bản).

++ Tuyến thoát nước 02: Rãnh thoát nước có chiều dài 790m, chiều rộng mặt rãnh: 1,2 m, chiều rộng đáy rãnh: 0,4m, chiều sâu rãnh: 0,4 m. Hồ lắng nằm trong khai trường khu 3 có diện tích 380 m<sup>2</sup>, chiều sâu: 2,0 m.

Thường xuyên nạo vét toàn bộ hệ thống thoát nước và hồ lắng với tần suất 3 tháng/lần.

- Đối với nước thải từ quá trình rửa xe: Nước thải từ quá trình rửa xe sẽ được thu gom theo rãnh thoát nước (kích thước: 1,2m x 0,4m x 0,4m) và dẫn nước về hồ lắng 380m<sup>2</sup> có sẵn từ giai đoạn xây dựng cơ bản, được lắng cặn và tuần hoàn sử dụng để rửa xe. Còn phần bùn đất sẽ được nạo vét định kỳ sử dụng cho việc làm vật liệu san lấp mặt bằng.

#### 4.2.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

- Trang bị xe tưới nước có dung tích bồn chứa khoảng 5m<sup>3</sup>. Tiêu chuẩn nước tưới đường 0,5 lít/m<sup>2</sup> (theo tiêu chuẩn Việt Nam TCXD33-2006).

+ Công tác tưới nước thực hiện trong ngày trên khu vực khai thác nhằm giảm thiểu bụi phát tán trong không khí, thời gian tưới và mật độ tưới nước tùy thuộc vào điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng 2-4 lần, tăng lên 4-6 lần vào ngày khô, nắng nóng.

+ Thực hiện tưới nước trên tuyến đường vận chuyển bắt đầu từ mỏ đến tuyến đường QL1A (trong phạm vi bán kính khoảng 2,5km) nhằm giảm thiểu bụi, thời gian tưới và mật độ tưới nước tùy thuộc vào điều kiện thời tiết (không tưới nước vào ngày mưa), số lần tưới nước trung bình khoảng 4-6 lần, tăng lên 6-8 lần vào ngày khô, nắng nóng.

- Bố trí bãi rửa xe, thực hiện xịt rửa xe trước khi ra khỏi mỏ nhằm hạn chế xe kéo theo bùn đất ra đường vận chuyển.

- Các phương tiện vận chuyển có các tấm bạt che phủ kín nhằm hạn chế đất rơi vãi và bụi khuếch tán vào môi trường không khí.

- Tất cả các phương tiện vận tải tham gia vận chuyển phải được kiểm tra định kỳ đạt tiêu chuẩn của cơ quan đăng kiểm theo quy định.

- Thu dọn đất, đá rơi vãi trên tuyến đường vận chuyển nhằm giảm thiểu bụi, tạo cảnh quan giao thông trên tuyến đường vận chuyển.

- Duy tu, bảo dưỡng những đoạn đường vận chuyển, không đổ đất bừa bãi. Bố trí kinh phí và phối hợp cùng với địa phương để cải tạo, sửa chữa lại

những đoạn đường xuống cấp.

- Trang bị đầy đủ các phương tiện bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân trong khi làm việc (như: khẩu trang, mũ, ủng, quần áo bảo hộ lao động).

- Chủ dự án sử dụng xe có tải trọng từ 15 tấn trở xuống để vận chuyển đất đi san lấp. Cải tạo, sửa chữa những đoạn đường chưa đảm bảo yêu cầu cho xe vận tải nặng thường xuyên đi qua. Trường hợp xảy ra hư hỏng tuyến đường do xe vận chuyển đất của dự án gây nên, Chủ dự án có trách nhiệm phối hợp với cơ quan chức năng, chính quyền địa phương để kịp thời khắc phục, sửa chữa.

4.2.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

4.2.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường.

- Đối với đất đá rơi vãi trong quá trình xúc bốc, vận chuyên:

- + Bố trí công nhân, máy gạt thường xuyên thu gom đất, đá rơi vãi từ quá trình xúc bốc, vận chuyên trên đường để tiếp tục được sử dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng.

- + Không đổ đất, đá quá đầy vượt quá chiều cao của thành xe, tránh làm đất, đá rơi xuống đường vận chuyên.

- + Các xe vận chuyên đất sử dụng bạt che phủ kín thùng xe, chằng buộc bạt chặt chẽ.

- Đối với chất thải rắn sinh hoạt:

- + Bố trí 02 thùng rác có dung tích 120 lít/thùng có nắp đậy để thu gom chất thải sinh hoạt.

- + Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyên đem đi xử lý theo quy định (tần suất 03 ngày/lần).

4.2.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

Bố trí 04 thùng phi có dung tích 120 lít để thu gom, lưu trữ chất thải nguy hại, mỗi thùng có dán nhãn tên chất thải nguy hại, mã chất thải nguy hại. Bố trí kho chứa chất thải nguy hại diện tích 06 m<sup>2</sup>, xung quanh vây tôn, mái lợp tôn, nền xi măng, có cửa khóa, biển cảnh báo. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyên, xử lý chất thải nguy hại tần suất 01 lần/năm.

4.2.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung:

- Không sử dụng các thiết bị cũ, lạc hậu có khả năng gây ồn cao;

- Máy móc thiết bị phục vụ khai thác đều phải được kiểm định đạt tiêu chuẩn theo quy định.

- Thường xuyên duy tu bảo dưỡng các thiết bị máy móc đảm bảo hoạt động hiệu quả.

- Trang bị phương tiện bảo hộ lao động chống ồn cho công nhân làm việc

ở những khu vực có tiếng ồn cao.

- Khi vận chuyển qua khu dân cư đặc biệt lưu ý các xe ô tô không được rú ga, còi xe bừa bãi gây tiếng ồn, mà phải tuân thủ đúng luật giao thông đường bộ hiện hành.

- Không khai thác, vận chuyển vào giờ nghỉ trưa (từ 11 giờ 30 phút đến 13 giờ 30 phút) và vào ban đêm (từ 19 giờ đến 6 giờ sáng ngày hôm sau) để không gây ảnh hưởng đến những hộ dân sống xung quanh khu vực dự án cũng như những hộ dân sinh sống dọc tuyến đường vận chuyển đất.

#### 4.2.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác:

##### 4.2.4.1. Phương án cải tạo, phục hồi môi trường

###### a. Phương án được lựa chọn thực hiện

\* Đối với khu vực kết thúc khai thác và các taluy bảo vệ:

- Đối với khu mỏ: Khai trường kết thúc khai thác ở mức cốt +20m phần lớn mặt bằng kết thúc đã bằng phẳng theo thiết kế có tổng diện tích 64.299 m<sup>2</sup>. Quá trình khai thác đã tiến hành vừa khai thác, vừa san gạt tạo mặt bằng đúng yêu cầu thiết kế, do đó trong giai đoạn cải tạo, phục hồi môi trường Chủ dự án thực hiện san gạt nhẹ tạo mặt bằng bằng phẳng để thuận lợi cho việc đào hố, bổ sung đất màu và trồng cây lâm nghiệp. Diện tích san gạt chiếm 30% tổng diện tích kết thúc khai thác, chiều cao san gạt trung bình 0,2m, khối lượng san gạt 3.858 m<sup>3</sup>. Tiến hành đào hố bổ sung đất màu trồng cây trên bề mặt khu vực kết thúc khai thác. Lựa chọn giống cây trồng cây keo lai (sản xuất bằng phương pháp nuôi cấy mô), mật độ 2.200 cây/ha.

- Mái taluy bảo vệ được tạo ngay trong quá trình khai thác với góc nghiêng sườn tầng kết thúc 68<sup>0</sup>, khai thác đến đâu tạo góc nghiêng sườn tầng kết thúc đến đó, gia cố góc dốc sườn tầng đảm bảo theo thiết kế.

\* Khơi thông hệ thống rãnh thoát nước, hồ lắng:

+ Nạo vét rãnh thoát nước khu vực kết thúc khai thác, với chiều dài 1.988 m, chiều rộng nạo vét 0,4 m, chiều sâu nạo vét 0,3 m. Trong quá trình khai thác, chủ dự án thường xuyên thực hiện công tác nạo vét hệ thống thoát nước. Vì vậy, ở giai đoạn cải tạo phục hồi khối lượng nạo vét hệ thống rãnh thoát nước chỉ chiếm khoảng 25%, khoảng: 59,64m<sup>3</sup>.

+ Nạo vét hồ lắng: 02 hồ lắng, kích thước mỗi hồ lắng: 380 m<sup>2</sup>, chiều sâu nạo vét 0,5m. Trong quá trình khai thác, chủ dự án thường xuyên thực hiện công tác nạo vét hồ lắng. Vì vậy, ở giai đoạn cải tạo phục hồi khối lượng nạo vét hồ lắng khoảng:  $2 \times 380 \text{ m}^2 \times 0,5 \text{ m} \times 25\% = 95 \text{ m}^3$ .

Tổng khối lượng nạo vét hệ thống hệ thống rãnh thoát nước, hồ lắng: 154,6 m<sup>3</sup>.

\*Tháo dỡ các công trình

- Kho chất thải nguy hại 6m<sup>2</sup>: 1chiếc; Camera giám sát: 01 chiếc, trạm cân: 01 chiếc,

- Mốc giới: 31 chiếc kích thước 0,2m x 0,3m x 0,8m. Khối lượng mốc giới cần tháo dỡ: 0,2m x 0,3m x 0,8m x 31 = 1,5 m<sup>3</sup>.

\* Cải tạo lại tuyến đường vào khu mỏ và tuyến đường nội bộ mỏ

+ Đối với tuyến đường đất vào khu mỏ có chiều dài khoảng 252m, chiều rộng trung bình khoảng 3,5m. Sau khi kết thúc khai thác, Chủ dự án sẽ tiến hành san gạt lại tuyến đường vào mỏ sau đó hoàn trả lại mặt bằng như ban đầu và bàn giao đất cho hộ dân cho mượn đất để quản lý, sử dụng theo quy định. Khối lượng san gạt khoảng 176,4 m<sup>3</sup>.

+Đối với tuyến đường nội bộ mỏ nằm trong diện tích mỏ, sẽ được san gạt, cải tạo phục hồi cùng với quá trình cải tạo, phục hồi khu vực kết thúc ở cốt +20m.

\* Lắp đặt biển cảnh báo

- Lắp đặt biển cảnh báo tại một số vị trí người dân thường xuyên đi lại qua, dễ quan sát, nguy cơ cao sạt lở, có độ chênh lệch cao, có nguy cơ mất an toàn cụ thể như sau: Cột biển báo bằng ống kẽm  $\phi 60$ , kích thước biển báo 0,6m x 0,6m, chất liệu bằng tôn thép không rỉ, số lượng 20 biển.

b. Danh mục, khối lượng các hạng mục cải tạo, phục hồi môi trường

STT	Nội dung công việc	ĐVT	Khối lượng	Biện pháp thi công	Ghi chú
<b>I. Các công trình tháo dỡ</b>					
1	Kho CTNH	m <sup>2</sup>	06	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
2	Camera giám sát	Chiếc	01	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
3	Trạm cân	Trạm	01	Thủ công - máy	Tháo dỡ, thu hồi
4	Nhà vệ sinh di động	Chiếc	01	Thủ công	Trả lại nhà cung cấp
5	Mốc giới ( 31 chiếc)	m <sup>3</sup>	1,5	Thủ công	Tháo dỡ, thu hồi
6	Nhà văn phòng (nhà container)	Chiếc	01	Tháo dỡ, thu hồi	Trả lại nhà cung cấp
<b>II. Cải tạo đường giao thông</b>					
1	Cải tạo tuyến đường đất	m <sup>3</sup>	176,4	Thủ công - máy	-
<b>III. Cải tạo mặt bằng kết thúc khai thác</b>					

1	Kết thúc ở mức cốt +20	m <sup>3</sup>	3.858	Máy ủi 110 cv	-
2	Lắp đặt biển cảnh báo	Chiếc	20	Thủ công	-
IV. Đào hố, trồng cây, bổ sung đất màu khu vực kết thúc khai thác					
1	Diện tích trồng cây trên khu vực kết thúc 6,43ha	Hố	14.146	Thủ công	-
2	Bổ sung đất màu	m <sup>3</sup>	382	Thủ công	-
V. Nạo vét hệ thống thoát nước, bảo dưỡng duy tu các công trình sau cải tạo					
1	Nạo vét hồ lắng, rãnh thoát nước	m <sup>3</sup>	154,6	Thủ công - máy	-
2	Duy tu các công trình sau cải tạo	Hệ thống	Toàn bộ khu vực cải tạo, phục hồi	Thủ công - máy	-

c. Kế hoạch thực hiện

Chủ đầu tư có trách nhiệm thực hiện các công việc cải tạo phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác như sau:

- Dọn dẹp công trình phụ trợ, tháo dỡ kho chứa chất thải nguy hại; tháo dỡ Camera giám sát; tháo dỡ trạm cân; tháo dỡ mốc giới; san gạt khu vực kết thúc khai thác; cải tạo tuyến đường đất; lắp đặt biển báo; nạo vét rãnh thoát nước, hồ lắng.

- Trồng và chăm sóc cây trên khu vực kết thúc khai thác (mặt bằng kết thúc khai thác): Trong thời gian 3 năm, kể từ ngày hết hạn Giấy phép khai thác khoáng sản.

d. Kinh phí cải tạo, phục hồi môi trường

Công ty TNHH Trung Anh Vina phải ký nộp số tiền vào quỹ BVMT Bắc Giang là: **1.256.741.000 đồng**. Bằng chữ: Một tỷ hai trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm bốn mươi một nghìn đồng.

Do thời gian khai thác của dự án là 4,5 năm do đó chủ dự án phải tiến hành ký quỹ nhiều lần (04 lần). Số tiền ký quỹ lần đầu bằng 25% tổng số tiền ký quỹ.

Số tiền ký quỹ lần đầu:

$$1.256.741.000 \times 25\% = 314.185.250 \text{ (đồng).}$$

Từ năm thứ hai trở đi, số tiền phải ký quỹ là:

$$(1.256.741.000 - 314.185.250)/(4-1) = 314.185.250 \text{ (đồng).}$$

- Đơn vị nhận ký quỹ: Quỹ Đầu tư phát triển tỉnh Bắc Giang.

#### 4.2.4.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

- Công nghệ khai thác đảm bảo an toàn trong quá trình khai thác. Khai thác theo lớp băng vận tải trực tiếp từ trên xuống dưới. Quá trình khai thác sẽ tạo ra các tầng và mặt tầng bảo vệ theo quy định nhằm chống sạt lở đất, đá xung quanh, đảm bảo an toàn trong khai thác.

- Đối với khu vực khai thác: Tiến hành khai thác theo trình tự từ trên xuống dưới và tạo các tầng, mặt tầng đảm bảo theo thiết kế, hạn chế tối đa khả năng sạt lở khu đất xung quanh.

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy, chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ quy định về phòng cháy.

- Vào những ngày mưa bão kéo dài, phải tạm dừng hoạt động khai thác và vận chuyển nguyên vật liệu để hạn chế sự cố sạt lở đất, đá, cũng như ảnh hưởng đến môi trường, đường giao thông.

- Kịp thời sửa chữa, cải tạo những đoạn đường vận chuyển bị hư hỏng do xe vận tải của dự án chạy qua.

### **5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư**

#### **5.1. Giai đoạn thi công, xây dựng**

##### 5.1.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực xây dựng mỏ.

- Thông số giám sát: tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 01 lần trong quá trình xây dựng.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

##### 5.1.2 . Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 0,8 m<sup>3</sup>/ngày. Căn cứ khoản 2 điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

##### 5.1.3 . Chất thải rắn

+ Tại khu vực tập trung rác thải.

+ Thông số giám sát: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng

+ Tần suất: hàng ngày

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; thông tư số 08/2017/BXD ngày 16 tháng 5 năm 2017 của Bộ xây dựng quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng.

##### 5.1.4. Chất thải nguy hại:

+ Tại khu vực lưu giữ CTNH.

+ Thông số giám sát: chủng loại và khối lượng CTNH.

+ Tần suất: hàng ngày.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

## **5.2. Quan trắc, giám sát môi trường trong giai đoạn vận hành**

### 5.2.1. Không khí làm việc:

- Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực khai thác

- Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BYT, QCVN 26:2016/BYT.

### 5.2.2 . Nước thải sinh hoạt:

Lưu lượng nước thải phát sinh của dự án ước tính khoảng 0,8m<sup>3</sup>/ngày. Căn cứ khoản 2 điều 97 và phụ lục XXVIII, Nghị định 08/2022/NĐ-CP dự án không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải.

Các tiêu chuẩn, quy chuẩn được sử dụng để so sánh đánh giá chất lượng môi trường trong chương trình giám sát nêu trên là những tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành phù hợp với thời điểm quan trắc, giám sát theo quy định.

### 5.2.3 . Chất thải rắn

+ Tại khu vực tập trung rác thải.

+ Thông số giám sát: Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt.

+ Tần suất: hàng ngày

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

### 5.2.4. Chất thải nguy hại

+ Tại khu vực lưu giữ CTNH.

+ Thông số giám sát: chủng loại và khối lượng CTNH.

+ Tần suất: hàng ngày.

+ Thực hiện quản lý chất thải phát sinh theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Thông tư số 02/2022/TT- BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi



hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

\* Giám sát môi trường trong giai đoạn cải tạo phục hồi môi trường:

- Không khí làm việc:

+ Vị trí giám sát: 01 vị trí trong khu vực cải tạo phục hồi môi trường.

+ Thông số giám sát: Nhiệt độ, tiếng ồn, bụi, SO<sub>2</sub>, NO<sub>2</sub>, CO.

+ Tần suất giám sát: 3 tháng/lần.

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN03:2019/BYT, QCVN02:2019/BYT, QCVN 24:2016/BTYT, QCVN 26:2016/BTYT

## **6. Những yêu cầu đối với Chủ dự án**

- Thực hiện trách nhiệm của chủ dự án đầu tư theo quy định tại Điều 37 Luật bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ và các quy định khác về trách nhiệm của chủ dự án sau khi báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định trước khi đưa dự án vào hoạt động chính thức theo quy định.

- Thực hiện đúng các giải pháp bảo vệ môi trường đã nêu trong báo cáo ĐTM được phê duyệt kết quả thẩm định, tổ chức thu gom, xử lý toàn bộ các loại chất thải thi công và chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo an toàn và vệ sinh môi trường;

- Hoàn thành xây dựng, vận hành các công trình, thiết bị xử lý chất thải phát sinh đảm bảo xử lý đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn hiện hành trước khi thải ra môi trường; thực hiện các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm khí thải và tiếng ồn đảm bảo các quy định về an toàn và vệ sinh môi trường.

- Tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về ứng cứu sự cố và các quy định khác của pháp luật trong toàn bộ các hoạt động của dự án;

- Thực hiện các quy định của pháp luật về đất đai trong quá trình triển khai dự án.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 693/TTr-TNMT ngày 06/11/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án.